

## “TÂM” TRONG KINH ĐIỂN PHẬT GIÁO BẮC TRUYỀN

**Tóm tắt:** Nếu dùng hai từ “từ bi” và trí tuệ để khái quát tôn chỉ của Phật giáo, thì có thể dùng một chữ “Tâm” để khái quát nội dung cơ bản của toàn bộ hệ thống văn học Phật giáo Bắc truyền. “Tâm” vừa là đối tượng, vừa là nội dung, đồng thời vừa là mục đích cuối cùng của các văn sĩ Phật giáo. Ngộ được chân tâm, thấu triệt tự tính, vượt khỏi trói buộc, thoát khỏi khổ đau trong lục đạo luân hồi, rồi tận tâm tận lực cứu giúp muôn loại chúng sinh thoát khỏi khổ đau là mục tiêu hướng đến của thiên sư thi sĩ. Nói cách khác, gần như toàn bộ kinh điển Phật giáo Bắc truyền diễn tả, chiêm nghiệm chữ “Tâm” trong mọi khía cạnh, từ nhiều góc độ, trên nhiều phương diện, với nhiều hình thức, bằng nhiều thủ pháp nghệ thuật khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ nghiên cứu các phương diện từ Thể đến Dụng, từ Tính ra Tướng của “Tâm” được phản ánh trong một số bộ kinh văn Phật giáo Bắc truyền quan trọng và trong văn học Phật giáo Việt Nam để làm sáng tỏ quan điểm này.

**Từ khóa:** Tâm, kinh điển, Phật giáo, Bắc truyền.

### Dẫn nhập

Có thể thấy, tầm quan trọng của chữ “Tâm” trong bốn câu thơ đúc kết tinh thần cốt lõi của bài phú *Cư trần lạc đạo* của Phật hoàng Trần Nhân Tông:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên*

*Cơ tắc xan hề khốn tắc miên*

*Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch*

*Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên*

(Sống đời vui đạo hãy tùy duyên

---

\* TS., Thích Hạnh Tuệ, Trung tâm Nghiên cứu Văn học Phật giáo, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh.

Đói ăn khát uống mệt ngủ liền  
 Cửa báu đầy nhà thôi tìm kiếm  
 Vô tâm đối cảnh hỏi chi thiền)

Trong nhà có sẵn cửa báu (gia trung hữu bảo) chỉ cho chân tâm Phật tính vốn có sẵn trong mỗi chúng sinh, như cách dụ “viên ngọc trong chéo áo” của gã cùng tử trong Kinh Pháp Hoa. Khi tâm thanh tịnh, sáng suốt không bị ngoại cảnh chi phối, mê hoặc thì không cần hỏi đến phương pháp tu thiền làm gì nữa.

Trong *Xu thanh*, một trong những chương cốt lõi của tác phẩm luận thuyết *Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh*, Thiền sư Hải Huyền nói: “Tâm là then chốt của muôn sự, là cái quan trọng nhất của chúng sinh. Người ta ai cũng có tâm. Thánh nhân có tâm của thánh nhân, chúng nhân có tâm của chúng nhân. Tâm của thánh nhân cũng như tâm của mọi người, nhưng đạt đến cảnh giới “vô ngã” cho nên có thể làm tất cả điều thiện trong thiên hạ. Còn tâm của chúng nhân gò bó cố chấp trong những điều tai nghe mắt thấy nên giới lắm là làm điều thiện cho riêng mình. Cái lượng của tâm rất rộng, cái đức của tâm rất thịnh mới gọi là thánh nhân vậy. (*Ngô Thi Nhậm toàn tập*, tập 5, trang 281, 282).

Khúc ca Phật tâm của Tuệ Trung Thượng Sĩ có đoạn:

“Phật! Phật! Phật! không thể thấy  
 Tâm! Tâm! Tâm! chẳng thể bàn  
 Hễ khi tâm sinh thì Phật sinh  
 Bằng lúc Phật diệt thì tâm diệt  
 Diệt tâm còn Phật không đâu có

Diệt Phật còn tâm lúc nào xong...” (*Thượng sĩ ngữ lục*, bản Hán văn, trang 53)

Trong giới hạn của bài viết này, chúng tôi sẽ nghiên cứu các phương diện từ Thể đến Dụng, từ Tính ra Tướng của “Tâm” được phản ánh trong một số bộ kinh Bắc truyền và trong văn học Phật giáo Việt Nam để làm sáng tỏ quan điểm này. Đương nhiên, đây chỉ là một số cố gắng ban đầu của chúng tôi.

### **1. Tâm được phản ánh trong Kinh Hoa Nghiêm**

Phẩm Thập Địa trong Kinh Hoa Nghiêm viết:

“Tâm như công họa sư  
Họa chủng chủng ngũ âm  
Nhất thiết thể giới trung  
Vô bất tạo thị pháp”.

(Tâm như họa sĩ khéo  
Vẽ các loại ngũ âm (tức chúng sinh),  
Tất cả pháp thể giới,  
Đều do tâm mà ra)

Mã Minh đại sĩ đã thâu tóm nhiều kinh điển về một ý nghĩa hàm dung một tâm pháp - tâm chúng sinh trong hai phần chân như và sinh diệt. Tâm chân như hay, Nhất chân pháp giới là thể của các pháp môn đại tổng tướng nên còn gọi là Biến chân tâm có tính không sinh, không diệt, không hình tướng, bao trùm khắp, không thể dùng hình tướng hay ngôn từ để diễn đạt. Sở dĩ nó có tất cả các pháp là do vọng niệm, vọng tưởng, vọng tâm mà thấy có sự sai biệt. Có nghĩa là lúc khởi lên tư tưởng sai lầm, nhận tâm cảnh giả dối làm chân thật, còn gọi là vọng tưởng. Khi lia vọng niệm thì không có tướng tất cả các cảnh hay nói đơn giản hơn, ta nhìn thấy muôn hình vạn cảnh sai biệt đều do vọng niệm, nếu lia vọng niệm thì tướng của các cảnh giới không còn mê hoặc ta được.

Nội dung cốt tủy của Kinh Hoa Nghiêm có thể thấy được qua bài kệ:

Nhược nhân dục liễu tri,  
Tam thể nhất thiết Phật,  
Ứng quán pháp giới tánh,  
Nhất thiết duy tâm tạo.

*Dịch nghĩa:*

Nếu người muốn biết rõ,  
Các Phật trong ba đời  
Phải quán tính pháp giới,  
Tất cả do tâm tạo.

Ai muốn biết rõ ba đời các vị Phật, làm cách nào để tu thành Phật thì nên quan sát, chiêm nghiệm một cách thâm sâu như thật là các cõi lục phàm, tứ thánh đều xuất phát từ một chữ “Tâm”

Mười pháp giới này vốn chẳng có tự thể, chẳng có tự tính, chẳng có tự chủng, cũng chẳng có tự căn (gốc), đều do một tâm tạo ra.

Nói đến chữ “Tâm” cũng như hư không, vốn là thanh tịnh, vốn là thấu triệt, chẳng có hình dáng, chẳng có phương sở, bất diệt, bất sanh, bất động, bất biến. Vậy tại sao lại nói là do tâm tạo? Nguyên cái tâm này dù nói bất biến mà cũng là tùy duyên, vì tùy duyên nên năng tạo; nói tùy duyên là vì một niệm thanh linh sinh khởi, hoặc tiếp xúc với ngoại cảnh, trong và ngoài cảm ứng với nhau, gọi là nhân duyên, có nhân duyên mới thành pháp giới, ví dụ:

Tâm như nước, pháp giới như làn sóng. Bản thể của nước vốn yên tĩnh, chẳng phương sở, chẳng lay động, khi gặp gió thổi thì muôn ngàn làn sóng tùy sự tiếp xúc mà nổi lên. Vậy thì nước có thể tạo ra làn sóng, làn sóng do nước mà có; cũng như Tâm có thể tạo ra pháp giới, pháp giới do tâm mà có vậy. Do đó:

Nhất thừa linh động, vạn đức trang nghiêm, thanh tịnh tròn đầy là cảnh giới của chư Phật;

Thường tu lục độ, tổng nhiếp vạn hạnh, cứu giúp chúng sinh là cảnh giới của Bồ Tát;

Ngộ pháp nhân duyên, thấu lý duyên sinh, là cảnh giới của Duyên Giác;

Rõ lý tứ đế, chứng đắc Niết Bàn, là cảnh giới của Thanh Văn;

Ham tu pháp lành, tạo nhân hữu lậu, là cảnh giới của cõi Trời;

Ái nhiễm chẳng ngừng, cũng tu phước thiện, là cảnh giới của cõi Người;

Chấp tâm hiếu thắng, nổi sân đấu tranh, là cảnh giới của Tu La;

Ái kiến làm gốc, bòn xén làm nghiệp, là cảnh giới của Ngạ quỷ;

Tham dục chẳng ngừng, luôn luôn si tưởng là cảnh giới của Súc sinh;

Tạo mười ác nghiệp, lục căn thọ báo, là cảnh giới của Địa ngục.

Tóm lại, vô biên thế giới y theo tâm này mà biến hiện, Mặt Trăng, Mặt Trời y theo tâm này mà vận hành; sự mê của tất cả chúng sinh là mê tâm này; sự ngộ của thánh hiền tam thừa là ngộ tâm này; sự dẫn

dắt của Bắc truyền giáo điển là dẫn dắt tâm này; sự khai thị của lịch đại Tổ sư là khai thị tâm này; đơn truyền là truyền tâm này; nhiều kiếp tu tập là tu tâm này; chứng ngộ từng bậc là chứng tâm này. Do tâm này tùy duyên biến tạo, nên mới có mười pháp giới, nếu được nhất tâm chẳng sinh, liễu ngộ thực tính, thì mười pháp giới cũng theo đó mà thông suốt. Thế nên:

Thập ác đã dứt, lục căn thọ báo chẳng sinh, thì tâm Địa ngục được liễu;  
 Tham dục đã dứt, si tưởng chẳng sinh, thì tâm Súc sinh được liễu;  
 Ái kiến đã dứt, bòn xén chẳng sinh, thì tâm Ngạ quỷ được liễu;  
 Hiếu thắng đã dứt, sân đấu chẳng sinh, thì tâm Tu La được liễu;  
 Ái nhiễm đã dứt, chánh niệm hiện tiền, thì tâm cõi Người được liễu;  
 Bỏ nhân hữu lậu, tu nghiệp vô lậu thì tâm cõi Trời được liễu;  
 Chẳng chấp tứ đế, chẳng giữ chân không, thì tâm Thanh Văn được liễu;  
 Chẳng chấp nhân duyên, hồi tâm hướng Bắc truyền, thì tâm Duyên Giác được liễu;

Lục độ công thành, đốn siêu địa vị, thì tâm Bồ Tát được liễu;

Bồ Đề viên mãn, quy vô sở đắc thì tâm chư Phật được liễu.

Vậy thì làm sao liễu ngộ tâm này?

Từ tán tâm đến đa tâm,

Từ đa tâm đến thiểu tâm,

Từ thiểu tâm đến nhất tâm,

Từ nhất tâm đến vô tâm,

Từ vô tâm đến liễu tâm (Thiền sư Diệu Thọ)

Tầm quan trọng của một chữ tâm trong tu hành có thể rõ hơn:

Nhược nhân dục thức Phật cảnh giới,

Đương tịnh kỳ ý như hư không,

Viễn ly vọng tưởng cập chư thủ,

Linh tâm sở hướng giai vô ngại.

*Dịch nghĩa:*

Nếu người muốn biết cảnh giới Phật,

Ý căn thanh tịnh như hư không,  
 Xa lìa vọng tưởng và chấp thủ,  
 Khiến tâm khắp nơi đều vô ngại.

Cảnh giới Phật là gì? Không và hữu thay phiên hiển bày, lý sự vô ngại, một tức nhiều, nhiều tức một, lớn vào nhỏ, nhỏ vào lớn là cảnh giới Phật vậy. Do đó được biết, một hạt bụi, một giọt nước cho đến vi trần số cõi Phật Hoa Tạng Hải đều là cảnh giới Phật cả. Nhưng các người tay chỉ mắt nhìn, trên là trời, dưới là đất, vận hành là nhứt nguyệt. Tịnh mà trụ gọi là núi, động mà chảy gọi là sông, hữu tình là người, vô tình là vật. Cảnh giới Phật ngay trước mắt mà lại chẳng thấy, thực là thật đáng thương xót! Tại sao vậy? Chỉ vì các người nơi ý căn chưa từng thanh tịnh, nên có đủ thứ vọng tưởng, đã có vọng tưởng là có phân biệt, đã có phân biệt thì kẹt vào danh tướng, đã kẹt vào danh tướng nên thấy trời chỉ là trời, thấy đất chỉ là đất, thấy núi sông chỉ là núi sông, thấy người vật chỉ là người vật; lại ở nơi danh tướng vọng sanh đủ thứ chấp trước, như chấp núi sông người vật, lại còn ở nơi chấp trước sanh ra đủ thứ chướng ngại, cũng như bị sắc, thanh, hương, vị chướng ngại, bị núi, sông, người, vật, vạn tượng sum la chướng ngại, vì ở khắp nơi đều bị chướng ngại, nên muốn thấy cảnh giới Phật lại càng khó hơn nữa.

Dù vậy, nếu ông chân thật muốn thấy cũng chẳng khó, chỉ cần đem các thứ vọng tưởng, chấp trước, chướng ngại ấy, mỗi mỗi đều xoay trở về tự tính, khiến cho nơi ý căn thanh tịnh như hư không. Ở trên đỉnh đầu mở ra chính nhãn, chiếu soi khắp thế gian. Như vậy thì trời là cảnh giới Phật, đất cũng là cảnh giới Phật, núi sông người vật, hạt bụi giọt nước, cho đến vi trần số cõi Phật thế giới, không nơi nào chẳng phải là cảnh giới Phật cả. Cảnh giới như thế, phi hữu phi không, phi lý phi sự, phi nhất phi đa, phi tiểu phi đại, phi mê phi ngộ, phi tu phi chứng, gọi là cảnh giới Phật cũng được, chẳng gọi là cảnh giới Phật cũng được. Vi diệu như thế bất khả thuyết, viên dung như thế bất khả thuyết, tự tại vô ngại như thế bất khả thuyết, chứng ngộ giải thoát như thế bất khả thuyết, công đức lợi ích như thế bất khả thuyết. Ấy gọi là bất khả thuyết lại thêm bất khả thuyết của cảnh giới Phật. Muốn ở nơi cảnh giới Phật này đích thân nếm trải thì:

Ý căn thanh tịnh như hư không

Xa lìa vọng tưởng và dính mắc

Khiến tâm khắp nơi đều tự tại

Xưa kia Thế Tôn ở nơi pháp Bồ Đề tràng mới thành chính giác, than rằng: “Lạ thay! Nay Ta thấy rõ tất cả chúng sinh đều đủ cả đức tướng trí tuệ của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà chẳng chứng đắc”. Vậy Phật đã đem hết sự sở chúng tỏ bày rồi, các người hiện đang ở nơi pháp Bồ Đề Tràng, mỗi người đầu đội hư không, chân đạp quả đất mà chẳng thành Chính Giác là tại sao? Vì vọng tưởng chấp trước chưa dứt, đại tâm Bồ Đề chưa thể phát khởi.

## 2. Tâm được phản ánh trong Kinh Viên giác

Giáo nghĩa cốt tủy của Kinh Viên Giác là lời Phật chỉ bày cái tâm tròn đầy sáng suốt có sẵn nơi mỗi chúng sinh. "Viên Giác" là kết quả tu tập hay là Viên Giác là sự sáng suốt, tánh tròn đầy, là Phật quả. Muốn đạt đến Viên Giác phải dùng "bản nhân địa" để thấu suốt vô minh vì vô minh và bản giác cùng chung trong tâm, nên tánh giác không thể không có vô minh. Có vô minh hay không có vô minh đều bỏ là tùy thuận tánh tịnh Viên Giác. Qua bài kệ sau, đức Thế Tôn muốn truyền lại ý nghĩa của kinh:

Văn Thù ông nên biết

Tất cả các Như Lai

Từ nơi bản nhân địa

Đều dùng giác trí tuệ

Thấu suốt được vô minh

Biết kia hoa trong hư không

Là hay khỏi luân chuyển

Lại như người trong mộng

Khi tỉnh chẳng có gì

Tánh giác như hư không

Bình đẳng không động chuyển

Giác khắp mười phương cõi

Liền được thành Phật đạo

Huyễn diệt không nơi chốn  
 Thành đạo cũng không đắc  
 Tánh nó tròn đầy  
 Hay phát tâm Bồ Đề

Thiện nam tử! Tất cả chúng sinh, các thứ huyền hóa đều sinh nơi Như Lai Viên Giác diệu tâm. Vì như hoa đóm trong hư không, từ hư không mà có. Hoa huyền tuy diệt mà tính hư không chẳng hoại. Tâm huyền của chúng sinh lại y nơi huyền mà diệt, các huyền hết mà cái giác tâm bất động. Y nơi huyền mà nói giác cũng gọi là huyền. Nếu nói có giác vẫn chưa có lia huyền. Nói không giác cũng lại như thế. Cho nên huyền diệt gọi là bất động. Muốn lia huyền phải dùng các pháp huyền để trừ huyền, như khi đập gai, phải lấy gai lể gai; hết bệnh thì các gai đều bỏ. Giác Tướng (Giác thức hay tâm thức) là pháp huyền dùng để trừ huyền. Khi huyền trừ xong, giác tướng trở thành Giác Tính hay Viên Giác. Nói rõ hơn là huyền diệt, tức là Thức chuyển thành Trí. Gốc rễ của sinh tử luân hồi là ái dục, nếu còn tâm tham dục, phải đọa lạc nơi sinh tử luân hồi. Có hai chương ngại trong việc tu hành Viên Giác là:

- 1) Lý chướng hay sở tri chướng do tư tưởng chấp pháp
- 2) Sự chướng hay phiền não chướng do chấp ngã.

Phật dạy bài kệ rằng:

Oai Đức ông nên biết

Vô thượng đại giác tâm

Bản tế không hai tướng

Tùy thuận các phương tiện

Số nó là vô lượng

Như Lai tổng khai thị

Liền có ba chủng loại

Tịch tịnh Xa-Ma-tha (tức là Chi)

Như gương hiện hình tượng

Như huyền Tam-Ma-đề (Quán)

Như đất làm mầm tăng trưởng  
 Thiên-na chỉ tịch diệt  
 Như hoàn trong món đồ  
 Ba thứ diệu pháp môn  
 Đều là tùy thuận giác  
 Mười phương chư Như Lai  
 Và các vị Bồ Tát  
 Nhân đây được thành đạo  
 Ba việc đều tròn chứng  
 Gọi cứu cánh Niết Bàn (*Kinh Viên Giác*, bản dịch Hòa thượng  
 Thiện Hoa)

Thiền sư Long Tề khi thấu rõ chân tâm đã làm bài thơ tâm rằng:

Tâm cảnh đôn tiêu dung  
 Phương minh sắc dữ không  
 Dục thức bản lai thể  
 Thanh sơn bạch vân trung.

*Nghĩa:*

Không còn chấp tâm và cảnh  
 Mới ngộ được lý sắc không  
 Muốn biết thể xưa nay  
 Mây trắng với non xanh.

Chân tâm chính là thể tính vốn tròn đầy thanh tịnh sáng suốt, ở thánh không tăng, ở phàm không giảm. Do chúng sinh, phàm tình cố chấp, tham dục và ái nhiễm nên dính mắc sâu sắc vào các trạng thái biến chuyển của tâm và bị hoàn cảnh chi phối, không thấu rõ thực tính của sắc và không. Chỉ cần để tâm trống rỗng, thấy các pháp như nó đang là, non xanh, mây bay vốn hiển bày tự thể.

### **3. Tâm được phản ánh trong Kinh Kim Cang**

Kinh Kim Cang là một trong những bộ kinh trọng yếu của văn học Phật giáo Bắc truyền. Có lẽ vì bộ kinh này cô đọng, hàm súc tinh hoa

lời Phật dạy, nên kinh được các bậc cao đức, danh sĩ, văn sĩ xem như một tuyệt tác vô tiền khoáng hậu. Lúc Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn (602-675), kế thừa tông phong, xiển dương Phật pháp, Kinh Kim Cang đã phổ biến khá rộng rãi trong giới học Phật, ngay cả trong giới cư sĩ. Chính nhờ kinh này, một tiểu phu ở Lĩnh Nam đã đến với đạo Phật và trở thành bậc Tổ sư siêu việt nhất trong lịch sử Thiền tông Trung Hoa, đó là lục tổ Huệ Năng. “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” là câu nói cốt lõi của Kinh Kim Cang, cũng là câu nói nổi tiếng của giới học Phật, nhất là Thiền tông, dùng câu này làm yếu chỉ tu hành. Khi xưa ngũ tổ Hoằng Nhẫn thấy nhân duyên truyền tâm ấn cho Huệ Năng đã đến, Ngài bèn mật hiệu cho Huệ Năng vào thất rồi giảng Kinh Kim Cang, đến câu “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”, Ngài Huệ Năng liền khoát nhiên đại ngộ.

Mở đầu Kinh Kim Cang, ngài Tu Bồ Đề bạch hỏi: “Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm vô thượng chính đẳng giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia?”

- Làm sao trụ được tâm
- Làm sao hàng phục tâm

“Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” là câu trả lời hoàn chỉnh nhất cho câu hỏi trên của ngài Tu Bồ Đề. Trong suốt Kinh Kim Cang, Đức Phật cũng chỉ trả lời câu hỏi “làm sao trụ tâm, làm sao hàng phục tâm”, cũng chính là làm rõ ý nghĩa của câu “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”.

Đức Phật dạy “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” vì phạm những gì có hình tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng là phi tướng, tức thấy Như Lai. Phạm những gì có hình tướng đều chịu sự biến đổi của vô thường, nên nói “hữu hình tất hữu hoại”, có tướng tất có sự hoại diệt, có sinh ra thì có mất đi, vì vậy thật tướng của các tướng là phi tướng. Khi thấy thực của các tướng là phi tướng ắt thấy Như Lai, thấy Như Lai là thấy chân tâm thường trú.

Khi chúng ta nhận chân được thực tướng các pháp là phi tướng rồi, thì chúng ta phải hàng phục tâm. Không để cho tâm chạy theo trần cảnh (không để sáu căn dính mắc sáu trần), trụ tâm ở chỗ không chấp, không vướng mắc, giữ tâm thanh tịnh, tự tại trước sự sinh diệt, khổ đau vô thường của cuộc đời. Hàng phục được tâm phân biệt

vọng động là ta đang trụ tâm. Như vậy, hàng phục tâm cũng chính là trụ tâm.

#### 4. Tâm được phản ánh trong Kinh Lăng Nghiêm

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy chi tiết về tâm, về các mối liên hệ của lục căn, lục trần, và lục thức, những thực tại tương đối biến đổi không thật, cũng như thực tại tuyệt đối thường hằng và bất biến. Cốt tủy của Kinh Lăng Nghiêm được Phật giải rõ thế nào là vọng tâm và chân tâm. Tâm thức hay lục thức là sự kết hợp hỗ tương giữa lục căn và lục trần mới. Hơn nữa, lục nhập vốn là Như Lai Tạng, cũng là diệu tính chân như. Tính của bốn thức rõ ràng chân tri, diệu giác trạm nhiên, như như bất động, chẳng thể nghĩ lường được, trùm khắp pháp giới, hiển bày khắp mười phương hư không đâu có xứ sở, tùy theo nghiệp của chúng sinh biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tính nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật. Vậy, tính hư không cùng khắp, vốn chẳng lay động (*Kinh Lăng Nghiêm*, bản dịch của Hòa thượng Duy Lực). Từ lục nhập đến thập nhị xứ, mười tám giới cùng thất đại vốn vô sinh và tương quan lẫn nhau, Phật đã vạch rõ dòng tâm thức (lục căn, lục trần, lục thức cùng với địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức đại) huyễn hóa như vậy, thì tính giác (diệu tính chân như) đồng nghĩa với Như Lai Tạng. Như Lai Tạng, tính thức minh tri chân thức. Biết được rõ ràng chân thức, nghĩa là bốn tính vốn chân minh, lìa năng sở đối đãi, thường hằng, hiển bày khắp mười phương, bao la như hư không vô tận. Khi Nhãn căn chưa hòa nhập vào Như Lai Tạng thì nó là tướng không, thay đổi tùy theo nghiệp duyên sẵn có của bản thân sắc trần. Chúng ta đã nhận xét rằng không có vật chất nào hiện hữu độc lập, dù nó nhỏ như hạt nguyên tử hoặc lớn như quả địa cầu. Vạn vật chỉ hiện hữu một cách tương đối, trong sự tương quan với những vật khác. Cũng vì thế có thể biết được Tâm Thức không có thực thể. Nếu đối tượng không có thật, thì tâm cảm nhận nó cũng không có thật. Những khoảnh khắc tri thức này theo thời gian thì nó lôi kéo và dằng co giữa trí và thức mà thành tư tưởng, và nếu khoảnh khắc tri thức đó không lập lại và xa lìa ngay (vô thời gian) thì ta có tri thức nguyên thủy. Vì tính hư không của đối tượng nhập vào tính hư không vô tận thì Thực tại ấy toàn diện,

là chân lý tối hậu. Vậy, một khi Nhân căn hòa nhập vào Như Lai Tạng thì chẳng còn năng sở, lúc ấy chẳng phải nhân duyên hay chẳng tự nhiên mà có diệu tính chân minh vậy.

Hiểu được tính giác, dùng tính chẳng sinh diệt của diệu tâm sáng tỏ đồng với Như Lai Tạng, vì Như Lai Tạng chỉ duy nhất một diệu tâm sáng tỏ, tròn đầy chiếu khắp pháp giới, nên ở trong đó, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện ra lớn, trong lớn hiện ra nhỏ, đạo tràng chẳng động mà khắp mười phương thế giới, thân thể bao hàm vô tận hư không, nơi đâu một mãi lòng hiện ra cõi Phật, ngồi trong vi trần chuyển đại pháp, nghịch cảnh trần, hợp giác tính, nên hiện ra tính Chân Như sáng tỏ của diệu tâm. Do vậy, muốn hiểu rõ Kinh Lăng Nghiêm, nghe lời Phật dạy:

A Nan! Nay ngươi muốn ngược dòng sinh tử, trở về nguồn gốc của lưu chuyển, đến chỗ chẳng sinh diệt, thì nên xét kỹ sự thọ dụng của lục căn này, cái nào hợp, cái nào lia; cái nào sâu, cái nào cạn; cái nào viên thông, cái nào chẳng viên thông. Nếu ngươi ngay nơi những căn này ngộ được căn nào viên thông, nương theo căn viên thông đó mà xoay ngược dòng nghiệp hư vọng từ vô thi thi so với các căn khác, hiệu quả gấp nhiều lần, một ngày bằng một kiếp (*Kinh Lăng Nghiêm*, Hòa thượng Duy Lực dịch).

Phật bảo A Nan:

- Người thường nghe ta giảng ba nghĩa quyết định sự tu hành trong Luật Tạng, ấy là nhiếp tâm thành giới, từ giới sinh định, từ định phát huệ, gọi là ba vô lậu.

- A Nan! Làm sao nhiếp tâm gọi là giới?

- Nếu chúng sinh lục đạo trong thế giới, tâm chẳng dâm dục, thì chẳng theo dòng sinh tử tương tục.

- Người chính định, cốt để ra khỏi trần lao, nếu tâm dâm dục chẳng trừ thì chẳng thể ra khỏi, dẫn cho có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu chẳng đoạn dâm, ắt lạc vào ma đạo, hạng trên thành ma vương, hạng giữa thành ma dạn, hạng dưới thành ma nữ. Bọn ma kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng đã thành đạo vô thượng, sau khi diệt độ, trong đời mạt pháp, bọn ma dân này sôi nổi trên thế gian, thịnh hành tham

dâm, tự xưng là Thiện tri thức, khiến chúng sinh sa vào hầm ái kiến, lạc mất đạo Bồ Đề.

Lời Phật dạy thật xác thực, nếu xét dưới góc độ tâm lý học, Dục Tình hay Tính Dâm của Freud thì trong lúc Freud hoạch định những vùng của Trí, ông cố xác định những phương pháp năng lực hóa, tập trung, di chuyển và ngay cả chặn lại ánh sáng lóe lên của ý thức. Freud lựa chọn thân thể liên tục tạo ra năng lực tinh thần, cũng như máy phát điện liên tục sản xuất ra điện năng. Freud gọi điện năng tinh thần này là dục tình và ông tin rằng nó là lực thúc đẩy các khả năng của tất cả tư tưởng, tình cảm và tư cách của chúng ta. Sự xây dựng dục tình tạo nên trạng thái xu hướng đau khổ, nó ép buộc chúng ta trở thành hiểu biết một vài nhu cầu không được thỏa mãn. Lúc đó, chúng ta nhắm tới tập trung vào những hoạt động sẽ cho chúng ta giải thoát năng lực đè nén đó mà giảm trừ được xu hướng. Như vậy, năng lực dục tình ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm, và hoạt động của chúng ta. Tính dục hay dâm dục hiện hữu thường trực trong thân ta như vậy, nên ta phải làm sao ổn định nó như Phật căn dặn chúng ta giữ giới luật này cẩn thận, thì mới có thể tìm về tính giác được trọn vẹn.

### **5. Tâm được phản ánh trong Kinh Pháp Hoa**

Trong lịch sử Thiền tông, ai cũng biết chuyện “Niêm hoa vi tiếu” lấy tâm truyền tâm. Khi Phật Thích Ca truyền chính pháp nhãn tạng cho Tôn giả Ma ha Ca Diếp ở Hội Linh Sơn. Hôm đó, đức Thích Ca không thuyết gì hết. Chúng hội tập họp rồi, Ngài nhìn Hội chúng một lượt rồi từ từ cầm một cái hoa sen đưa lên trước mặt mọi người. Cả chúng hội khi đó đều im lặng không ai hiểu gì cả, duy chỉ có Tôn giả Ma ha Ca Diếp chum chim cười.

Phật biết Ca Diếp đã ngộ được cái hoa sen mà Phật đưa lên. Đó chính là tâm ấn (lấy tâm ấn tâm). Tôn giả Ma ha Ca Diếp mặc dầu không nghe Phật nói gì hết nhưng được cái tâm của Phật cho, nên mỉm cười. Đức Phật cũng thấy cái chỗ Ca Diếp đã ngộ được cho nên mới nói rằng: "Ngô hữu Chính pháp nhãn tạng, Niết Bàn Diệu tâm, thật tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, kim phó nhữ Ma ha Ca Diếp" (Ta có kho tàng mắt Tạng, con mắt Chính pháp là Niết Bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng. Nay phó chúc cho Ma ha Ca Diếp).

Kinh Diệu pháp Liên hoa lấy hoa sen làm biểu tượng. Ngay trên tiêu đề Kinh cũng thể hiện rõ nội dung cốt tủy chỉ dạy cho chúng sinh hãy sống với tâm Phật như hoa sen vốn có của chính mình. Vì hoa sen không những tượng trưng cho chân tâm Phật tính, trí tuệ sáng suốt thanh tịnh, mà còn thường được người thế gian cũng rất ưu thích trân trọng. Ca dao Việt Nam vẫn lưu truyền:

"Trong đầm gì đẹp bằng sen,  
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng  
Nhụy vàng bông trắng lá xanh,  
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn"

Hoa sen là một loài hoa rất đặc biệt, bản chất thanh cao của nó hơn hẳn các loài hoa khác. Cuộc đời của đức Phật từ khi Ngài đản sinh cho đến khi nhập diệt, luôn luôn gắn liền với hoa sen. Vì vậy, hoa sen là biểu tượng cho sự giải thoát trong Phật giáo (Chín phẩm sen vàng lên giải thoát). Khi đức Phật được sinh, Ngài đi trên hoa sen bảy bước. Khi đức Phật truyền pháp cho Tôn giả Ca Diếp, ngài cũng cầm hoa sen. Vì vậy, đức Phật luôn luôn được tôn trí trên hoa sen.

Hoa sen ấy cao quý vô cùng. Nó từ dưới bùn mọc lên, nhưng không dính mùi bùn. Hoa sen có hoa mọc trước hoa mọc sau, nhưng khi có cơ hội mọc lên gặp ánh sáng Mặt Trời, tất cả đều nở ra, tỏa mùi thơm ngát như nhau. Các loài hoa khác khi mọc lên, một thời gian hoa rụng mới có quả; còn hoa sen vừa búp đã có quả, quả bọc trong gương sen. Hoa sen to chừng nào thì quả và gương sen to chừng ấy. Hoa quả đồng thời. Hoa sen có cái đặc biệt là bướm không đậu, sâu không ăn, người ta không lấy để trang sức trên đầu.

Lại nữa, hoa sen còn có một đặc tính nữa, vì đặc tính đó mà Phật đã lấy nó để ví dụ cho Diệu Pháp của Ngài. Vậy Diệu Pháp đó là gì? Đó là chân tâm, Phật tính, tri kiến chân thật. Thấy biết như thế nào gọi là thấy biết Phật? Thấy biết như thế nào là thấy biết chúng sinh? Phải mà thấy trái, là thấy biết chúng sinh. Thấy đúng sự thật là thấy biết Phật. Giả mà thấy thật là thấy biết của chúng sinh.

Thấy đúng sự thật là thấy biết Phật. Vô thường mà thấy là thường, vô ngã mà thấy là ngã, là thấy biết chúng sinh. Trái lại vô thường thấy là vô thường, vô ngã thấy là vô ngã, là thấy biết Phật... Thành thử thấy

biết Phật là cái thấy biết đúng chân lý, đúng tính tướng của sự vật. Đó là cái thấy biết thoát ra ngoài có, không, thường, đoạn, nhị biên theo thiên kiến của chúng sinh. Thấy biết Phật đó nó bao hàm cả tính từ bị, hỷ xả, trí tuệ, giải thoát, nên cái thấy biết đó cao quý vô cùng, ví như hoa sen ở trong bùn mà không hôi tanh mùi bùn. Hoa sen mọc ở trong bùn là bùn gì? Phật giáo ví dụ bùn đó là phiền não của chúng sinh.

Phiền não đó nó làm cho cái thấy biết Phật bị khuất lấp, không hiện và không mọc lên được, cũng như bùn khuất lấp hoa sen. Nhưng khi thứ bùn đó được vạch ra, hoa tất sẽ mọc lên. Hoa mọc lên từ trong bùn cũng như cái thấy biết Phật mọc lên từ trong tâm phiền não của chúng sinh. Vì thế, Thiền sư Chân Nguyên đã diễn tả:

Trần trần sát sát Như Lai,  
 Chúng sinh mỗi người mỗi có hoa sen.  
 Hoa là bản tánh trạm viên,  
 Bao hàm trời đất dưới trên cùng bằng.  
 Hậu học có biết hay chăng?  
 Tâm hoa ứng miệng, nói năng mọi lời.

Đức Phật còn dùng hình tượng viên ngọc trong chéo áo gã cùng từ khốn khổ để chỉ cho chân tâm thanh tịnh sáng suốt nhiệm màu của tất cả chúng sinh.

### **6. Tâm được phản ánh trong Kinh Lăng Già**

Kinh Lăng Già tâm ấn chỉ bày tâm của chư Phật và chúng sinh. Đoạn kinh sau cho thấy điều này:

Khi ấy, Đại Bồ tát Đại Huệ hỏi Phật: Bạch Thế Tôn! Trong Kinh Phật nói Như Lai tàng tự tính thanh tịnh, chuyển ba mươi hai tướng vào trong thân tất cả chúng sinh, như hạt châu rất quý cột trong chéo áo nhơ, Như Lai tàng thường trụ không biến đổi cũng lại như thế, cột trong chiếc áo nhơ giới ẩm nhập và tham dục, sân, si, vọng tưởng chẳng thật, các thứ trần lao làm ô uế. Đây là lời diễn nói của tất cả chư Phật. Tại sao Thế Tôn đồng với ngoại đạo nói có ngã, nói có Như Lai tàng? Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo cũng nói có tác giả thường còn, lia ngoài cầu-na khắp giáp chẳng diệt. Bạch Thế Tôn! Ấy là ngoại đạo nói có ngã.

Đây là muốn Thế Tôn phát minh Như Lai tàng chẳng đồng thần ngã của ngoại đạo. Thần ngã của ngoại đạo chấp tâm phân biệt trong Ngũ uẩn. Tính Như Lai tàng là chỉ cho thể thường trụ bất biến. Thể không chân vọng mà có giác mê. Mê thì tâm phân biệt sinh mà không phải là chân trí. Tâm phân biệt diệt mà chẳng phải là chân tịch. Mê trí cho là sinh, mê tịch cho là diệt, thấy đều do phân biệt cho nên vô thường. Nếu giác thì phân biệt liền dứt, thấy xưa không sinh thì nay cũng không diệt. Chỗ không sinh diệt bản tính thường trụ. Vì trừ cái phân biệt nên nói là vô ngã, mà chẳng phải không có cái ngã Như Lai tàng thường trụ bất biến. Vì dẹp vô ngã nên nói chân ngã, mà chẳng đồng với cái ngã phân biệt của Ngũ uẩn. Nên nói “chuyên ba mươi hai tướng vào thân chúng sinh, mà bị buộc trong chiếc áo như ám giới nhập và tham sân si vọng tưởng chẳng thật, các thứ trần làm ô uế”. Khi hiện ở trong mê thì trí tịch ẩn, sanh diệt hiện tiền. Phạm có chỗ chấp đều thuộc về phân biệt. Đây là lý do ngoại đạo vọng chấp tác giả. Cầu-na tức là trần duyên.

Phật bảo Đại Huệ: Ta nói Như Lai tàng chẳng đồng cái ngã của ngoại đạo nói. Đại Huệ! Có khi nói không, vô tướng, vô nguyện, như thật tế, pháp tính, pháp thân, Niết Bàn, ly tự tính, bất sinh bất diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tính Niết Bàn, những câu như thế đều nói Như Lai tàng. Như Lai ứng cúng đấng chính giác vì đoạn cái sợ vô ngã của ngu phu, nên nói lìa vọng tưởng cảnh giới vô sở hữu có Như Lai tàng. Nay Đại Huệ! Đại Bồ Tát vị lai hiện tại không nên khởi chấp về ngã kiến.

Nói pháp thân như thật mà trước nói là không, vô tướng, vô nguyện. Nói tự tính Niết Bàn mà trước nói lìa tự tính, bất sinh bất diệt, xưa nay là tịch tĩnh. Đây là Thế Tôn vì nói cảnh giới vô sở hữu, môn Như Lai tàng vậy. Như Lai ban đầu vì chúng sinh chấp ngũ uẩn là ngã nên nói vô ngã. Sau lại vì Thanh văn chấp pháp vô ngã mê lầm tự tính, nên nói chân ngã. Kinh Niết Bàn nói: “Các ông nên biết, trước đã tu tập vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng phải là pháp chân thật, ví như mùa xuân có những người tắm trong hồ lớn, ngồi thuyền dạo chơi bỗng làm rơi hạt châu lưu ly chìm tận đáy nước. Khi ấy mọi người thấy đều lặn xuống nước mò tìm hạt châu, giành nhau nắm lấy ngói đá cỏ cây sạn sỏi, mỗi người tự bảo được châu lưu ly, vui vẻ đem lên, mới biết chẳng phải châu. Lúc ấy bảo châu vẫn còn ở trong nước, vì

thể lực của châu nên nước được lỏng trong. Bấy giờ toàn thể đồng thấy hạt châu vẫn còn dưới nước, ví như ngược xem Mặt Trăng trong hư không. Trong chúng có một người trí dùng sức phương tiện, nhẹ nhàng chậm rãi lặn xuống nước liền lấy được hạt châu. Tỳ kheo các ông! Chẳng nên tu tập vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, v.v., như thế, cho là nghĩa thật. Như những người kia mỗi người lượm ngói gạch cỏ cây sạn sỏi mà cho là bảo châu. Các ông phải khéo học phương tiện ở khắp mọi nơi thường tu tưởng ngã, tưởng thường, lạc, tịnh. Như người trí kia khéo lượm được hạt châu, là nói tưởng ngã, tưởng thường, lạc, tịnh". Thế mới biết, khi Như Lai nói vô ngã là ý ở chỗ chân ngã, chỉ vì đối trị phàm phu ngoại đạo. Cho nên chỗ lầm của nhị thừa là chỗ sợ của phàm phu đâu biết lia vọng chính vì hiển chân. Cảnh giới vô sở hữu Như Lai tàng môn này chẳng đồng với ngoại đạo cho thức là ngã, chấp tướng tác giả.

Thí như người thợ gốm nơi một đồng đất dùng phương tiện nhân công, nước, cây, bánh xe quay mà làm thành các món đồ. Như Lai cũng lại như thế, nói pháp vô ngã lia tất cả tướng vọng tưởng dùng các thứ trí tuệ phương tiện khéo léo, hoặc nói Như Lai tàng, hoặc nói vô ngã. Bởi nhân duyên ấy nên nói Như Lai tàng chẳng đồng cái ngã của ngoại đạo nói, ấy gọi là nói Như Lai tàng. Vì khai dẫn cái chấp ngã của ngoại đạo nên nói Như Lai tàng khiến họ lia vọng tưởng ngã kiến chẳng thật vào cảnh giới tam giải thoát môn, hy vọng chóng được Vô thượng Chính đẳng Chánh giác. Thế nên Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác khởi nói Như Lai tàng như thế. Nếu không như vậy, ắt đồng với ngoại đạo. Thế nên Đại Huệ! Vì lia kiến chấp của ngoại đạo nên y Như Lai tàng vô ngã. Đây lại bày rõ Như Lai dùng các thứ trí tuệ phương tiện khéo léo, hoặc nói vô ngã, hoặc nói Như Lai tàng là để lẫn nhau phát minh ngã tướng thanh tịnh Như Lai. Vì khai dẫn ngoại đạo chấp ngã khiến lia ngã kiến chẳng thật. Thế nên rốt sau nói "Phải y nơi Như Lai tàng vô ngã ấy là nghĩa quyết định vậy". Kinh Niết Bàn vì lập ví dụ thầy thuốc mới và thầy thuốc cũ, mà lại vì trong chúng xướng lời rằng: Tỳ kheo phải biết, các ngoại đạo nói là ngã đó, ví như trùng ăn cây ngẫu nhiên thành chữ. Thế nên, Như Lai ở trong Phật pháp nói là vô ngã, vì điều phục chúng sanh, vì biết thời nên nói là vô ngã. Cho nên có nhân duyên cũng nói có ngã. Như ông thầy

thuốc giỏi kia khéo biết sửa là thuốc, hay chẳng phải thuốc, không phải như phàm phu chấp ngã vậy.

Hình ảnh ánh trăng trong Kinh Lăng già trở thành biểu tượng của chân tâm sáng suốt đã đi vào thi ca Việt Nam trong “Truyện tán Pháp Vân tự Tì-ni-đa-lưu-chi thiên sư” của Lý Thái Tông:

Sáng tự Nam lai quốc,  
 Văn quân cử tập thiền.  
 Ứng khai chư Phật tín,  
 Viễn hợp nhất tâm nguyên.  
 Hạo hạo Lăng Già nguyệt,  
 Phân phân Bát Nhã liên.  
 Hà thời lâm diện kiến,  
 Tương dữ thoại trùng huyền  
 (Lần đầu đến nước Nam,  
 Được biết người am hiểu rất sâu sắc đạo Thiền.  
 Nên đã mở rộng giáo lý của các Phật,  
 Khiến người đời sau hòa hợp được với cội nguồn chữ tâm.  
 Trăng Lăng Già sáng vắng vặc,  
 Sen Bát nhã ngát hương thơm.  
 Bao giờ được gặp mặt nhau,  
 Để cùng đàm luận về lý lẽ vô cùng huyền diệu.) [*Thơ văn Lý Trần*,  
 Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977]

Cùng ngẫm lại hai câu kết trong tuyệt tác “Cáo tật thị chúng” của thiền sư Mãn giác thời Lý để lưu giữ một tượng đài nghệ thuật tuyệt đẹp và vô cùng sinh động về hình tượng một nhánh mai nở hoa trong đêm tối dù mùa xuân đã qua đi, biểu tượng của chân tâm Phật tính chân thật, không sinh không diệt của tất cả chúng sinh, cũng là của chúng ta:

“Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,  
 Đỉnh tiền tạc dạ nhất chi mai”

(Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,

Đêm qua sân trước một nhành mai.)

Tóm lại, hầu hết các tác phẩm văn học Phật giáo đều đề cập đến chữ tâm, nhất là văn học Bát Nhã Bắc truyền. Tâm chính là đối tượng phản ánh, chiêm nghiệm tiêu biểu. Tâm là một phạm trù vô cùng rộng lớn, trừu tượng và sâu kín, nếu hời hợt hoặc phân tích một cách máy móc thì khó có thể nắm bắt, nếu không muốn nói là không thể. Thế, dụng, tính, tướng của tâm vô cùng kỳ diệu chỉ có thể ở trong trạng thái thật định tĩnh lắng lòng cảm thụ. Sự sáng tạo tuyệt vời, sự lung linh huyền ảo, sự phong phú đa dạng vô biên của văn học nói chung, văn học Phật giáo nói riêng, có lẽ không ngoài một chữ "tâm" này. Các văn sĩ Phật giáo luôn hướng đến cái tâm sáng suốt thanh tịnh, từ bi vô ngã, vô chấp, vô trụ - một trạng thái tâm hoàn toàn giải thoát không bị nô lệ, dính mắc vào bất cứ thứ gì. Thiền sư - Văn sĩ Phật giáo cảm thụ và thể nghiệm chân lý thực tại đời sống một cách trực tiếp như chính nó đang là, không thông qua bất kỳ lăng kính nào, bằng chân tâm Phật tính, tạo nên nét hấp dẫn riêng của các tác phẩm văn học Phật giáo, ít nhiều góp phần cống hiến chút hương hoa làm đẹp cuộc đời./.

---

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Kinh Diệu pháp liên hoa*, Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008.
2. *Kinh Lăng nghiêm*, Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch, Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh xuất bản, 2000.
3. *Chư kinh tập yếu* (Kinh Kim Cang, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Viên giác, Bát Nhã tâm kinh, Pháp bảo đàn kinh...), Hòa thượng Thích Duy Lực dịch, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
4. *Kinh Duy Ma*, Đoàn Trung Còn dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2007.
5. *Lăng già Đại thừa kinh*, Trần Tuấn Mẫn dịch, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2008.
6. *Thơ văn Lý Trần*, tập 1,2,3 Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989.
7. Lưu Hiệp (1999), *Văn tâm điêu long*, Phan Ngọc dịch, Nxb. Văn học, Hà Nội.

**Abstract****“HEART” IN THE SUTRAS OF MAHAYANA BUDDHIST  
SCHOOL**

If you use the words “compassion” and “wisdom” to generalize the Buddhist principles, you will use a word “Heart” to generalize the basic contents of the entire literature of Mahayana Buddhism. “Heart” is an object and contents, and it is simultaneously the ultimate goal of the Buddhist writers. Illumination, insight, overcome vicious circle, freedom from sufferings six paths of reincarnation, and then making efforts of rescue human beings from misery are zen poets’ target. In other words, almost the Mahayana Buddhism scriptures describe, contemplate the word “Heart” in all aspects, in different arts. In this article, the author examines aspects of “Heart” which were reflected in some important texts of the Mahayana Buddhism and in Vietnam Buddhist literature to clarify this view.

**Keywords:** Heart, sutra, Buddhism, Mahayana.